

Bản án số: **84/2025/HS-PT**

Ngày: 26-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phan Vĩnh Chuyên

Ông Trần Hữu Vinh

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 47/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị Thu Th do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Thị Thu Th**, sinh ngày 25/10/1992 tại Bình Định; nơi thường trú: thôn A, xã M, huyện P, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: số 87 đường B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc và bà Đinh Thị Ph; có chồng là Nguyễn Chí H và 01 con (sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo **Mai Thị Hồng H**, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần đầu tư S (gọi tắt là Công ty S) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0402140374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/3/2022, địa chỉ: lô A1 - 11 đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; ngành nghề kinh doanh: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;

người đại diện theo pháp luật: Trần Thị Thu Thuý, chức danh: Giám đốc. Trên giấy tờ đăng ký thành lập doanh nghiệp có 04 cổ đông là: Trần Thị Thu Th, Trần Thị Thu Th1, Vũ Hồng B, Nguyễn Minh S. Tuy nhiên, trên thực tế còn 03 cổ đông khác mua lại cổ phần sau đó là: Dương Minh H2, Đỗ Xuân H, Nguyễn Thị Ng.

Trần Thị Thu Thuý là người đại diện theo pháp luật từ khi thành lập đến ngày 14/10/2022, Trần Thị Thu Th1 thay Th làm người đại diện theo pháp luật, với chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. Kế toán của công ty gồm: Mai Thị Hồng H4, Ngô Thị H, Nguyễn Thị Mai Ng, Huỳnh Thị M.

Hành vi sai phạm: trong quá trình hoạt động kinh doanh từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/9/2022, có phát sinh doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT là 7.510.241.468 đồng nhưng tại kỳ kê khai thuế Quý 2, Quý 3 năm 2022 Công ty S kê khai doanh thu thấp hơn so với thực tế, cụ thể:

- Doanh thu Quý 2/2022 được xác định là 4.386.376.258 đồng nhưng chỉ kê khai 94.773.139 đồng, chênh lệch 4.291.603.119 đồng.

- Doanh thu Quý 3/2022 được xác định là 3.123.865.210 đồng nhưng chỉ kê khai 69.246.228 đồng, chênh lệch 3.054.1618.928 đồng.

Tổng doanh thu Công ty S đã kê khai chênh lệch so với thực tế trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022 là 7.346.222.101 đồng.

* Hành vi sai phạm của từng bị cáo như sau:

Đối với Trần Thị Thu Th: là người đại diện theo pháp luật của Công ty S với chức danh Giám đốc từ khi thành lập cho đến ngày 14/10/2022.

- Quý 2/2022: Th là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của Công ty S và được bộ phận kế toán báo cáo thu chi thường xuyên thông qua nhóm zalo “Thu chi”, việc thu chi hàng ngày do Th quyết định. Công ty S sử dụng “Sổ Thu – Chi” viết tay để theo dõi thu chi bằng tiền mặt và hệ thống phần mềm IPOS để theo dõi tất cả các khoản doanh thu từ nhà hàng bao gồm doanh thu bằng tiền mặt, chuyển khoản và quẹt thẻ Visa. Doanh thu bằng tiền mặt hàng ngày được bộ phận kế toán chuyển vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 040100868298 của cá nhân Th; doanh thu khách hàng chuyển khoản hoặc quẹt thẻ Visa thì được chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng MBBank số 0907160333 của cá nhân Th.

Kết thúc Quý 2/2022, sau khi kê khai thuế, kết quả lợi nhuận tạm tính là 557.000.000 đồng. Th và các cổ đông thống nhất tạm ứng tiền lợi tức theo % cổ phần góp vốn, cụ thể: Th: 158.412.066 đồng, S: 142.926.000 đồng, B: 61.270.000 đồng. Th1: 61.270.000 đồng, H2: 57.872.300 đồng, H: 55.700.000 đồng, Ng: 20.664.000 đồng.

- Quý 3/2022: do mâu thuẫn với ông S nên Th nhờ chồng là Nguyễn Chí H1 thay Th quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày tại Công ty S. Để khách quan trong việc quản lý, Th đã nhờ ông B sử dụng tài khoản cá nhân để nhận doanh thu của Công ty S. Đối với việc kê khai thuế Th là người chịu trách

nhiệm, Th không nhờ hay giao trách nhiệm gì cho H1 và ông B về việc kê khai thuế. Kết thúc Quý 3/2022, sau khi kê khai thuế, kết quả lợi nhuận tạm tính là 932.031.176 đồng. Th và các cổ đông thống nhất tạm ứng tiền lợi tức theo % cổ phần góp vốn, cụ thể: Th 213.205.689 đồng, S: 239.159.277 đồng, Th1 102.523.462 đồng, B: 102.523.462 đồng, H2: 96.838.070 đồng, H: 93.203.148 đồng, Ng: 34.578.368 đồng. Tuy nhiên, ông S chưa nhận tiền.

Việc quản lý và sử dụng chữ ký số: Quý 2/2022, Ngô Thị H3 là người giữ chữ ký số để xuất hóa đơn cho khách hàng; theo dõi thu chi của Công ty S. Tuy nhiên, đến đầu tháng 7.2022 (trước khi kê khai thuế Quý 2/2022) thì H3 đã nghỉ việc. Quý 3/2022, thì Mai Thị Hồng H4 là người quản lý, sử dụng chữ ký số để xuất hóa đơn cho khách hàng và thực hiện việc kê khai thuế. Bản thân Th nhận thức được giá trị pháp lý của chữ ký số nhưng do không thường xuyên ở quán và để tiện trong việc kinh doanh hàng ngày nên Th giao cho kế toán quản lý, sử dụng. Đối với việc xuất hóa đơn bán hàng: trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn thì bộ phận kế toán sử dụng chữ ký số để xuất hóa đơn. Đối với trường hợp khách hàng không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp thông tin thì Th không chỉ đạo để xuất hóa đơn theo quy định. Đối với việc ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định: Th không chỉ đạo hay giao nhiệm vụ cho bộ phận kế toán lập và ghi chép sổ sách kế toán theo quy định (theo mẫu của Bộ Tài chính). Việc bộ phận kế toán ghi chép thu chi hàng ngày bằng “Sổ Thu – Chi” (viết tay) được Th xác định đây là sổ dùng để quản lý, theo dõi hoạt động kinh doanh nội bộ, không đưa vào sổ sách kế toán để kê khai thuế. Liên quan đến việc kê khai báo cáo thuế: Th đã thực hiện không đúng quy định về nghĩa vụ kê khai và nộp thuế. Số liệu kê khai thuế Quý 2 và 3/2022 thấp hơn nhiều so với doanh thu thực tế (tính theo phần mềm tính tiền IPOS) nhằm làm giảm số tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải đóng. Giữa Th và các cổ đông không trao đổi, bàn bạc gì về việc không kê khai doanh thu thực tế để trốn thuế.

Đối với Mai Thị Hồng H4: làm kế toán chính của Công ty S trong thời gian từ khoản đầu tháng 07/2022 đến đầu tháng 11/2022 thì nghỉ việc. Quý 3/2022, bộ phận kế toán gồm H4 và Ng, trong đó H4 là kế toán chính. Ng chỉ làm việc về thu chi hàng ngày, không thực hiện nhiệm vụ kê khai thuế. Bộ phận kế toán sử dụng “Sổ Thu – Chi” viết tay để ghi nhận các khoản thu chi bằng tiền mặt và sử dụng phần mềm IPOS để theo dõi, quản lý tất cả các khoản doanh thu từ nhà hàng. Hàng ngày, thu ngân thống kê doanh thu và bàn giao tiền mặt cho bộ phận kế toán. H4 và Ng, ghi nhận và báo cáo thường xuyên cho ông H1 và ông B thông qua nhóm zalo “Thu - Chi S” do H4 lập. Tiền mặt còn dư trong ngày được nộp vào tài khoản cá nhân của ông B để cất giữ. Đối với việc khách hàng chuyển khoản hoặc quẹt thẻ Visa thì được chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân của ông B, ông B có cung cấp

thông tin tài khoản ngân hàng cho H4 nắm để đăng nhập theo dõi hoạt động thu chi của Công ty S. Việc xuất hóa đơn bán hàng trong Quý 3/2022: nếu khách hàng yêu cầu thì H4 là người sử dụng chữ ký số để xuất hóa đơn. Trường hợp khách hàng không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp thông tin để xuất hóa đơn, thì H4 không xuất hóa đơn. Liên quan đến việc kê khai thuế: trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022 H4 là người liên hệ, trao đổi với Nguyễn Thị Ph (là nhân viên Công ty Đ) để thực hiện việc kê khai thuế cho Công ty S, cụ thể:

- Quý 2/2022, Công ty S thuê Công ty Đ hỗ trợ dịch vụ kê khai thuế và nhân viên hỗ trợ là Ph (sử dụng zalo tên “Phuong Nguyen”). Trước đó, H có chuyển hóa đơn, chứng từ của Quý 2/2022 cho Ph để hỗ trợ kê khai. H4 có bổ sung thêm cho Ph bảng lương nhân viên. Sau khi Ph làm xong, H4 sử dụng chữ ký số để ký và nộp tờ khai thuế Quý 2/2022 cho Chi cục thuế quận Hải Châu.

- Quý 3/2022, theo yêu cầu của H1 thì H4 cung cấp hóa đơn, chứng từ cho Ph để hỗ trợ kê khai thuế cho Công ty S. Trước khi cung cấp hóa đơn cho Ph, H4 có nhắn trên nhóm zalo “Ban Điều Hành S” cho H1 và B đọc, có nói đến mức độ rủi ro khi không khai doanh thu theo IPOS nhưng H1 và B không có ý kiến gì nên H4 đã làm theo kỳ kê khai Quý 2/2022, cung cấp những hóa đơn Công ty S đã xuất trong Quý 3/2022, bảng lương nhân viên cho Ph để làm kê khai thuế. Sau đó, H4 cung cấp tài khoản Ultra viewer của máy tính H4 đang sử dụng, cắm sẵn chữ ký số cho Ph để đăng nhập vào hệ thống kê khai nộp tờ khai thuế Quý 3/2022.

Ngày 21/10/2022, Chi Cục thuế quận Hải Châu nhận được đơn tố giác của ông Nguyễn Minh S về việc Công ty S trốn thuế. Ngày 01/11/2022, Chi Cục thuế quận Hải Châu có Thông báo số 26255/TB-CCT gửi đến Công ty S yêu cầu giải trình về doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022. Sau khi nhận được thông báo, ngày 03/11/2022, Công ty S đã kê khai thuế bổ sung, điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu và nộp tiền thuế GTGT là 300.000.000 đồng. Ngày 21/11/2022, tiếp tục nộp 255.940.874 tiền thuế GTGT và 20.000.000 đồng tiền thuế TNDN.

Ngày 07/12/2022, Chi cục Thuế quận Hải Châu ra Quyết định số 6584 chuyển hồ sơ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự của Công ty cổ phần đầu tư S đến Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu.

Theo Kết luận giám định ngày 05/02/2024 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng: “Công ty có thực hiện việc kê khai thuế GTGT hàng quý nhưng không kê khai thuế đối với khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không lập hóa đơn, bỏ ngoài sổ sách kế toán. Hành vi không lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ giao cho người mua; không thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo quy định của Công ty S trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022 là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, với doanh thu trốn thuế là 7.358.748.293 đồng (doanh thu chưa thuế GTGT). Cơ quan thuế xác định

Công ty trốn thuế số tiền là: 546.249.490 đồng (thuế giá trị gia tăng), trong đó số tiền thuế trốn Quý 2/2022: 323.756.863 đồng. Quý 3/2022: 222.492.626 đồng. Trước thời điểm chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra, doanh nghiệp đã nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thuế GTGT: 555.940.874 đồng và thuế TNDN: 20.000.000 đồng thì cũng không làm thay đổi tính chất, hành vi vi phạm.”

Quá trình điều tra, Th có cung cấp bổ sung một số hóa đơn để đính chính lại số tiền doanh thu trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022 nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã trưng cầu giám định bổ sung.

Theo Kết luận giám định bổ sung ngày 25/4/2024 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng: “...Căn cứ vào kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu thì Công ty S không lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ giao cho người mua; không thực hiện việc kê khai, báo cáo thuế theo quy định trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022; hành vi trên của Công ty S là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019 (đã bao gồm thuế GTGT). Tổng số thu trốn thuế là 7.346.222.041 đồng (doanh thu đã bao gồm thuế GTGT). Tổng số thuế GTGT trốn là: 513.191.418 đồng, trong đó: thuế GTGT Quý 2/2022 là: 298.821.553 đồng; thuế GTGT Quý 3/2022 là: 214.369.865 đồng.

Ngoài hành vi không lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ giao cho người mua theo quy định thì doanh nghiệp còn có hành vi không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019...Trước thời điểm chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra, Công ty đã nộp vào NSNN số tiền thuế GTGT: 555.940.874 đồng và thuế TNDN 20.000.000 đồng không làm thay đổi tính chất, hành vi vi phạm”.

Quá trình điều tra, Trần Thị Thu Th, Mai Thị Hồng H4 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai nhận của Th, H4 phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định tuyên bố: bị cáo Trần Thị Thu Th, Mai Thị Hồng H4 phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ: điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Thị Thu Th 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 200; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Mai Thị Hồng H4 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/01/2025, bị cáo Trần Thị Thu Th có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo là đúng trình tự thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ.

Về nội dung: xét kháng cáo của bị cáo thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Trần Thị Thu Th về tội “Trốn thuế” theo điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, có trình độ văn hóa cao, là chủ doanh nghiệp nhận thức được phải điều hành doanh nghiệp, chỉ đạo kê khai thuế đúng quy định tuy nhiên bị cáo không chỉ đạo, dẫn đến trốn thuế 02 lần với tổng số tiền trốn là: 513.191.418 đồng, trong đó: thuế GTGT quý 2/2022 là: 298.821.553 đồng; thuế GTGT quý 3/2022 là: 214.369.865 đồng. Hành vi của bị cáo xâm phạm chế độ quản lý thuế, gây thất thu thuế. Bị cáo phạm tội 02 lần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không đúng. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; sau khi nhận được thông báo của cơ quan thuế bị cáo đã chỉ đạo kế toán kê khai số thuế bổ sung và nộp bổ sung. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng cải tạo, có đủ điều kiện để hưởng án treo. Do đó cần tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội để lao động, chăm sóc gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Thị Thu Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Thu Th khai nhận: bị cáo là giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư S. Bị cáo không chỉ đạo lập và ghi chép sổ sách kế toán theo mẫu của Bộ Tài chính, không xuất hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ giao cho người mua, không thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo quy định trong Quý 2 và Quý 3 năm 2022 dẫn đến trốn thuế giá trị gia tăng tổng cộng là 513.191.418 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Trốn thuế” theo điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi nhận được thông báo yêu cầu giải trình của cơ quan thuế, bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra. Bị cáo có nhân thân tốt, nhiều lần tham gia hiến máu tình nguyện. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nuôi con nhỏ, mẹ già yếu, bản thân bị cáo đang điều trị bệnh đau thần kinh tọa, thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng, thoái hóa cột sống cổ, không thể lao động nặng. Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện cho hưởng án treo nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là thỏa đáng.

[3] Về án phí: bị cáo không chịu án phí hình sự phúc thẩm (ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000176 ngày 01/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu Th, sửa Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thị Thu Th **09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Trốn thuế”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 26/5/2025.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng HS-NV, Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND Q. Hải Châu;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CQĐT Công an TP. Đà Nẵng;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Vụ GĐKT (Vụ I), TANDTC;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Tuấn